

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-02-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tâm

Bà Nguyễn Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2024/QĐ-ST ngày 20/12/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chu Thị M, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn N, xã Q, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: thôn Đồng Công, xã Đông Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn N, xã Q, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Chu Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị, anh H được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 25/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y

(nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh H làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng và anh chị chung sống với nhau rất hạnh phúc. Đến tháng 11 năm 2022, anh H đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu, anh chị vẫn quan tâm nhau tuy nhiên do khoảng cách địa lý xa xôi dẫn đến vợ chồng xuất hiện nhiều bất đồng trong quan điểm sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có sự gắn bó, cả hai bỏ mặc cuộc sống của nhau. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên ngăn, hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị không thể cải thiện được. Đến nay chị và anh H không còn liên lạc, không quan tâm yêu thương nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Anh H, chị M có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 31/10/2019, cháu Nguyễn Thị Thiên M1, sinh ngày 11/3/2021 hiện đang sinh sống cùng chị M. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì điều kiện anh H đang ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc hai cháu

V cấp dưỡng nuôi con chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn H là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 21/11/2024 và 10/12/2024, ông Nguyễn Văn G, bà Phạm Thị S là bố mẹ anh Nguyễn Văn H cung cấp:

Anh H là con trai ông bà, chị M là con dâu ông, bà. Anh H, chị M được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 25/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị M về nhà anh H làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng và anh chị chung sống với nhau rất hạnh phúc. Đến tháng 11 năm 2022, anh H đi lao động tại Đài Loan. Sau khi anh H đi lao động, do khoảng cách địa lý nên giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông bà thấy anh chị ngày càng mâu thuẫn nên chị M cùng các cháu về nhà mẹ chị M sinh sống. Ông bà có khuyên bảo anh chị về đoàn tụ để chăm sóc con nhưng không được.

Về con chung: Anh H, chị M có cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 31/10/2019, cháu Nguyễn Thị Thiên M1, sinh ngày 11/3/2021. Hiện hai cháu H1, M1 đang sinh sống cùng chị M.

Ngoài ra, anh H đi lao động và chưa về thăm gia đình lần nào. Sau khi sang Đài Loan, anh H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông, bà đã thông báo cho anh H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa chị M, anh H. Tuy nhiên, anh H không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, nơi ở để bà cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Chu Thị M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Chu Thị M; Biên bản làm việc với ông Nguyễn Văn G, bà Phạm Thị S là bố mẹ của anh Nguyễn Văn H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn chị M, bị đơn anh H là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị M, xử:

Về hôn nhân: Chị Chu Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Do anh H hiện đang lao động tại nước ngoài nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không đảm bảo nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Gia H1 và cháu Nguyễn Thị Thiên M1 cho chị Chu Thị M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

Chị Chu Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Chu Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn H và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại công văn số 29910/QLXNC-P3 ngày 17/12/2024 của Cục Q - Bộ C cung cấp, anh Nguyễn Văn H xuất cảnh gần nhất ngày 09/11/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh H được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, anh H là bị đơn có nơi thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Do vụ án có bị đơn là anh Nguyễn Văn H ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự:

Đối với nguyên đơn: chị Chu Thị M xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị M.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và ông Nguyễn Văn G, bà Phạm Thị S (bố mẹ anh H) Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh H ở Việt Nam là: thôn N, xã Q, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh H thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho anh H biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa chị Chu Thị M và anh Nguyễn Văn H. Ông G, bà S cho biết anh H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh H không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh H tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về hôn nhân: Chị Chu Thị M và anh Nguyễn Văn Hòa kết H2 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 25/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị M, anh H phát sinh mâu thuẫn, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị M chung sống hạnh phúc cùng anh H. Đến tháng 11 năm 2022, anh H đi lao động tại Đài Loan. Sau khi anh H đi lao động, một thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do khoảng cách địa lý nên giữa anh, chị xuất hiện nhiều bất đồng trong quan điểm sống, nên càng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ngoài ra, thông qua người thân anh H cung cấp thì vợ chồng anh H, chị M có mâu thuẫn và được gia đình khuyên bảo nhưng không được, chị M đã về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh H, chị M không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau một thời gian dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M với anh H là phù hợp với tình trạng hôn

nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Anh H, chị M có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 31/10/2019; cháu Nguyễn Thị Thiên M1, sinh ngày 11/3/2021. Hiện nay cháu H1, cháu M1 đang sinh sống cùng chị M. Sau khi ly hôn chị M đề nghị giao con chung cho chị M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con chung cho chị M sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử thấy: Anh H hiện đang lao động tại Đài Loan nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Các con chung của chị M, anh H từ khi sinh ra cho đến nay vẫn sinh sống cùng chị M, cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy, việc giao cháu H1, cháu M1 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn sẽ đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung và tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu, hơn nữa các con chung vẫn còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị M. Giao cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 31/10/2019; cháu Nguyễn Thị Thiên M1, sinh ngày 11/3/2021 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi của pháp luật sau khi ly hôn là phù hợp với tình hình thực tế cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 luật Hôn nhân và Gia đình.

Trường hợp anh Nguyễn Văn H có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ: Do chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Chu Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam có thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh H đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị M.

1. Về hôn nhân: Chị Chu Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 31/10/2019, cháu Nguyễn Thị Thiên M1, sinh ngày 11/3/2021 cho chị Chu Thị M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Chu Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000177 ngày 14/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Chu Thị M đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Chu Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Q, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu THCTP.

Hoàng Thị Thu Hiền

